TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HS-ST
Ngày 11 tháng 3 năm 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hồ Ngọc Tiến và bà A Lăng Thị Pari.

- Thư ký phiên tòa: ông Đỗ Duy Phú - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Y Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2026/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Alăng T4,** sinh ngày 02 tháng 1 năm 1998 tại xã A, thành phố Đà Nẵng; trú tại: thôn A, xã A, thành phố Đà Nẵng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Cơ Tu; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 10/12; tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Con ông Alăng Đ (đã chết) và bà Avô Thị B (đã chết); Bị cáo có vợ, chưa có con. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt tại phiên tòa.
2. Họ và tên: **Blúp C1,** sinh ngày 20 tháng 5 năm 1989 tại xã T, thành phố Đà Nẵng; trú tại: thôn R, xã T, thành phố Đà Nẵng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Cơ Tu; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nông dân; trình độ học vấn: 12/12; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Năm 2007, bị Công an huyện T, Quảng Nam xử phạt VPHC về hành vi vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ bằng hình thức phạt tiền, số tiền 200.000 đồng. Con ông Blúp C (đã chết) và bà Bling Thị B1 (SN: 1948); Bị cáo có vợ và 03 con. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt tại phiên tòa.
3. Họ và tên: **Avô X,** sinh ngày 28 tháng 4 năm 1982 tại xã A, thành phố Đà Nẵng; trú tại: thôn A, xã A, thành phố Đà Nẵng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Cơ Tu; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 05/12; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; Con ông Avô T (SN: 1958) và bà Bnước Thị T1 (SN: 1962). Bị cáo có vợ và 03 con. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty TNHH MTV X; Địa chỉ: thôn A, xã A, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Bling T2, sinh năm 1977 – Chức vụ: Giám đốc; Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: thôn A, xã A, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1984, trú tại: Thôn T, xã Q, thành phố Đà Nẵng (theo Văn bản ủy quyền ngày 12/11/2025), có mặt.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1/ Anh Blúp H, sinh năm 2005; Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: thôn R, xã T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

2/ Anh Bhríu N, sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 19 tháng 7 năm 2025, ông Bling T2 (SN 1977, ĐKTT: thôn A, xã A, TP .) là giám đốc của Công ty TNHH MTV X, chỉ đạo Avô X (SN: 1982; ĐKTT: thôn A, xã A, TP Đà Nẵng) là lái xe của Công ty, điều khiển xe ô tô tải BKS: 92C-156.06 chở vật liệu vào thôn A, xã T, TP Đà Nẵng để thi công công trình nước sinh hoạt. Đi cùng còn có Alăng T4 (SN: 1998, ĐKTT: Thôn A, xã A, thành phố Đà Nẵng) là phụ xe. Sau khi bỏ vật liệu xong X và T4 tiếp tục được ông T2 chỉ đạo điều khiển xe ô tô tải này vào nơi tập kết vật liệu của Công ty tại thôn R, xã T, thành phố Đà Nẵng để chở ván từ thôn R về thôn A phục vụ thi công công trình. Đi cùng với T4 và X lúc này có thêm Blúp Hoàn (SN: 2005; ĐKTT: thôn R, xã T, thành phố Đà Nẵng) là công nhân đang thực hiện thi công công trình, sửa chữa nước sinh hoạt tại thôn A. Sau đó, X điều khiển xe ở tô tải chở theo T4 và H đi đến thon Ra'bhượp để bốc ván. Khi đến nơi, H và Bhríu N (SN: 1990; ĐKTT: thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng) là công nhân đang thi công trình sửa chữa nước sinh hoạt tổ 1, thôn R thực hiện việc bốc ván từ nơi tập kết lên xe ô tô tải. Lúc này, X thấy gần chỗ H và N bốc ván có để nhiều ống nước của Công ty P thi công công trình sửa chữa nước sinh hoạt tại tổ A, thôn R nên X nảy sinh ý định trộm cắp ống nước của Công ty và rủ T4 cùng thực hiện thì T4 đồng ý. Sau khi bốc ván lên thùng xe xong thì X nhờ H và N khiêng giúp X và T4 05 ống nước để gần đó vào trong bụi cỏ rậm rạp cách nơi tập kết ống nước ban đầu 12,7m bằng mắt thường không phát hiện được. Do N và H không biết X và T4 nhờ khiêng ống nước bỏ vào trong bụi cỏ rậm rạm để làm gì nên đã đồng ý. Sau đó, X, T4, H và N cùng khiêng 05 ống nước để vào trong bụi cỏ rậm rạp. Sau khi làm xong thì tất cả cùng lên xe ô tô tải do X điều khiển để đi về thôn A tiếp tục công việc. Riêng N chỉ đi cùng xe xuống đến mặt bằng tổ A, thôn R thì N xuống xe lấy xe mô tô đi làm. Trên đường đi, X có nói với T4 là số ống nước này X sẽ chia nhau với T4 để làm ao cá thì T4 đồng ý.

Vào buổi chiều một ngày đầu tháng 8 năm 2025 (T4 không nhớ cụ thể ngày nào) T4 cũng đi phụ xe cho xe ô tô tải của Công ty do ông N1 là lái xe của Công ty TNHH MTV X (T4 không biết rõ họ tên của ông N1 và BKS của xe ô tô tải) điều khiển vào

bỏ vật liệu phục vụ thi công công trình sửa chữa nước sinh hoạt tại tổ A, thôn R. Sau khi bỏ vật liệu xong T4 có ghé nhà của Blúp C1 (SN: 1989; ĐKTT: thôn R, xã T, thành phố Đà Nẵng) ngồi chơi. Trong lúc trò chuyện T4 có nói với C1 là "công trình nước sạch còn nhiều ống, có công nhân lấy, chắc ống vẫn còn, anh lên lấy đi" và kể cho C1 biết việc T4 có lấy 05 ống HDPE D110 x 6.6mm của Công ty giấu trong bụi cây cỏ gần đó. Nghe T4 nói vậy C1 trả lời "ừ" và nói T4 chỉ cho C1 chỗ để ống nước của Công ty thì T4 đồng ý. Sau đó, C1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, BKS: 92U1-00183 của C1 chở theo T4 đi đến chỗ để ống nước của Công ty. Khi đến nơi T4 chỉ cho C1 chỗ T4 và X giấu 05 ống nước trong bụi cỏ và chỗ để các ống nước khác của Công ty. Sau đó, C1 và T4 cùng quay về nhà của C1 ngồi chơi thêm một lúc thì T4 đi về. Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, C1 đem theo một đèn pin đội đầu rồi đi bộ từ nhà của mình đến vị trí để ống nước của Công ty tại thôn R, xã T, thành phố Đà Nẵng. Khi đến nơi, C1 đi bộ vào chỗ bụi cỏ mà T4 chỉ lúc chiều thấy trong bụi cỏ có 05 ống nước và có 02 ống nước cũng được để trong bụi cỏ ngay gần đó. Ngoài ra, C1 còn thấy một số ống nước được bỏ trên nền đất cách chỗd C1 đứng khoảng 15m. Lúc này, C1 đi vào chỗ bụi cỏ vác ra 03 ống rồi vác về khu đất rẫy của gia đình mình tại thôn R, xã T, thành phố Đà Nẵng và cất giấu trong bụi cây. Sau khi giấu xong C1 quay lại chỗ lấy ống nước ban đầu để lấy tiếp. C1 lấy tổng cộng 04 lần và mỗi lần C1 lấy được 03 ống nước, tổng số ống nước C1 trộm cắp được là 12 ống và đều được cất giấu trong bụi cây trong rẫy của gia đình mình. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày C1 giấu xong 03 ống cuối cùng. Sau đó, C1 đi bộ quay về nhà của mình tại thôn R, xã T, Tp . để nghỉ ngơi.

Đối với 05 ống nước do X và T4 trộm cắp được. Vào một ngày trong tháng 8 năm 2025 (X không nhớ cụ thể là ngày nào), X quay lại điểm giấu ống nước của X và T4 để kiểm tra thì không thấy số ống nước này nữa.

Ngày 29/10/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã T có kết luật định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS xác định giá trị của 12 (Mười hai) ống HDPE D110 x 6.6mm là: 12 x 637.560đ/01 ống = 7.650.720đ (Bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSKV12 ngày 27/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Blúp C1, Avô X và Alăng T4 về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Blúp C1, Avô X và Alăng T4 phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung). Xử phạt bị cáo Alăng T4 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; xử phạt bị cáo Blúp C1 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; xử phạt bị cáo Avô X 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu, tiêu hủy 01 (Một) đèn pin bằng nhựa màu nâu đất, có dây đeo đầu bằng vải màu vàng, đã qua sử dụng, không kiểm tra được tình trạng máy bên trong của bị cáo Blúp C1; trả lại cho bị cáo Blúp C1 01 (Một) xe mô tô BKS 92U1-001.83, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đen – vàng, số khung: 5C64511259, số máy: C640BY511261, đã qua sử dụng, vẫn còn hoạt động, không kiểm tra được tình trạng thiết bị máy bên trong.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho các bị cáo Avô X và Alăng T4.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt một số người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa cho những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và họ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, những người vắng mặt đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án và không có ai đề nghị hoãn phiên toà với lý do vắng mặt họ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy những người này là phù hợp với quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tội danh và khung hình phạt của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với hồ sơ ban đầu, biên bản sự việc, biên bản xác định hiện trường, lời khai bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 19 tháng 7 năm 2025, tại công trình nước sinh hoạt thôn R, xã T, thành phố Đà Nẵng, các bị cáo Avô X và Alăng T4 đã lén lút chiếm đoạt của Công ty TNHH MTV X (năm) ống HDPE D110 x 6.6mm, bằng nhựa, có màu đen, mỗi ống dài 6m và vào trong bụi cỏ rậm rạp cách nơi tập kết ống nước ban đầu 12,7m, với mục đích chia nhau mang về sử dụng.

Vào khoảng 18 giờ một ngày đầu tháng 8 năm 2025, sau khi nghe Alăng T4 kể lại việc T4 và Avô X trộm ống nước của Công ty TNHH MTV X, T4 khởi xướng, rủ rê bị cáo Blúp C1 trộm cắp tài sản và chỉ chỗ cất giấu số ống nước trộm được và ống nước của Công ty TNHH MTV X để thi công công trình nước sinh hoạt thôn R, xã T, thành phố Đà Nẵng, bị cáo Blúp C1 đã lén lút chiếm đoạt 12 (Mười hai) ống HDPE D110 x 6.6mm, bằng nhựa, có màu đen, mỗi ống dài 6m mang về cất giấu trong rẫy của gia đình mình, với mục đích để sử dụng (trong đó có 05 ống nhựa HDPE mà các bị cáo Avô X và Alăng T4 trộm cắp trước đó giấu vào bụi cỏ).

Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định, mỗi ống HDPE D110 x 6.6mm, bằng nhựa, có màu đen, dài 6m trị giá: 637.560 đồng. Như vậy, bị cáo Avô X chiếm đoạt tài sản trị giá: 3.187.800 đồng; các bị cáo Blúp C1 và Alăng T4 chiếm đoạt tài sản trị giá: 7.650.720đ. Do đó, hành vi của các bị cáo Avô X, Alăng T4 và Blúp C1 đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung), như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đà Nẵng đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội:

Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương;

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, không câu kết chặt chẽ, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể giữa các bị cáo, mà chỉ là hành động bộc phát, cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án, đối với lần trộm cắp 05 ống nhựa do các bị cáo Avô X và Alăng T4 thực hiện thì bị cáo A vô X là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Alăng T4; các bị cáo X, T4 cùng thực hành. Đối với lần trộm cắp 12 ống nhựa của bị cáo Blúp C1 thì bị cáo T4 là người khởi xướng, rủ rê; bị cáo C1 là người trực tiếp thực hành, chiếm đoạt tài sản của bị hại. Như vậy, trong lần phạm tội giữa bị cáo Avô X và Alăng T4 thì bị cáo X chịu hình phạt nặng hơn; trong lần phạm tội giữa bị cáo Blúp C1 và Alăng T4 thì bị cáo Blúp C1 chịu hình phạt nặng hơn là phù hợp.

[2.3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Nhân thân: Năm 2007, bị cáo Blúp C1 bị Công an huyện T, Quảng Nam xử phạt VPHC về hành vi vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ bằng hình thức phạt tiền, số tiền 200.000 đồng. Tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo A lăng T4 chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung).

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; phạm tội gây thiệt hại không lớn; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, có nhận thức pháp luật còn hạn chế. Các bị cáo Avô X và Blúp C1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Alăng T4 thuộc diện hộ nghèo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung), Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với từng bị cáo để giảm nhẹ khi quyết định hình phạt.

[2.4] Về hình phạt:

Trên cơ sở phân tích, đánh giá mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như xem xét đầy đủ về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo bị xử phạt tù không quá 3 năm, có nhân thân tốt, có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo Alăng T4 phạm tội nhiều lần nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng; có tình tiết tăng nặng nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do đó, xét thấy không cần bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự là đảm bảo giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: Hành vi phạm tội của các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo có thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với 12 (Mười hai) ống HDPE D110 x 6.6mm, bằng nhựa, có màu đen, mỗi ống dài 6m. Trên thân ống có 04 sọc kẻ màu xanh da trời và dòng chữ "CTCP NHUA DONG NAI - Lo 6 KCN D - D, P. D, TX. Dien Ban, T. Quang N2 - T: 02352.214012 – ONG HDPE Ø 110 x 6.6 mm x 6m PN10 PE100 - ISO4427 - DUNG CHO NGANH NUOC". Các ống đều còn nguyên vẹn đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 (Một) cái đèn pin bằng nhựa màu nâu đất, có dây đeo đầu bằng vải màu vàng, đã qua sử dụng, không kiểm tra được tình trạng máy bên trong, là tài sản của bị cáo Blúp C1, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, giá trị sử dụng không đáng kể nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (Một) xe mô tô BKS 92U1-001.83, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đen – vàng, số khung: 5C64511259, số máy: C640BY511261, đã qua sử dụng, vẫn còn hoạt động, không kiểm tra được tình trạng thiết bị máy bên trong. Đây là tài sản của bị cáo Blúp C1, bị cáo không sử dụng trực tiếp vào việc thực hiện hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[5] Các vấn đề khác có liên quan trong vụ án: Đối với Blúp H, Bhríu Niêm được các bị cáo X và T4 nhờ khiêng giúp 05 ống nước để gần đó bỏ vào trong bụi cỏ. Tuy nhiên, những người này không biết việc các bị cáo X và T4 nhờ khiêng giúp ống này nhằm mục đích chiếm đoạt. Do đó, không xử lý đối với Blúp H và Bhríu N là phù hợp.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo Avô X và Alăng T4 là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Blúp C1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Alăng T4, Blúp C1 và Avô X phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung);

Xử phạt bị cáo Alăng T4 09 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11 tháng 3 năm 2026.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung);

Xử phạt bị cáo Blúp C1 09 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11 tháng 3 năm 2026.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung);

Xử phạt bị cáo Avô X 06 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11 tháng 3 năm 2026.

Giao các bị cáo Avô X và Alăng T4 cho Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Đà Nẵng; giao bị cáo Blúp C1 cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung):

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (Một) đèn pin bằng nhựa màu nâu đất, có dây đeo đầu bằng vải màu vàng, đã qua sử dụng, không kiểm tra được tình trạng máy bên trong của bị cáo Blúp C1.

- Trả lại cho bị cáo Blúp C1 01 (Một) xe mô tô BKS 92U1-001.83, nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đen – vàng, số khung: 5C64511259, số máy: C640BY511261, đã qua sử dụng, vẫn còn hoạt động, không kiểm tra được tình trạng thiết bị máy bên trong.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung); điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Blúp C1 phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm;

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Avô X và Alăng T4.

4. Bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/3/2026). Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV Công an thành phố Đà Nẵng;
- CQ. CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng;
- CQ.THA HS Công an thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 12;
- Phòng THADS khu vực 12;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA, Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Trần Văn Sinh